

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

*Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2012*

**NGHỊ QUYẾT**

**Bãi bỏ Nghị quyết số 13/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007  
của HĐND tỉnh ban hành quy định chế độ khen thưởng và xử lý  
vi phạm, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình  
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09/01/2003; Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27/12/2008;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 27/6/2012; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Nghị quyết số 13/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007 của HĐND tỉnh ban hành quy định chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, hướng dẫn việc khen thưởng và xử lý vi phạm trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

**Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua./.**

**CHỦ TỊCH**

**Thân Văn Khoa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 919/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề  
tỉnh Bắc Giang đến năm 2020**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 22/02/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về việc ban hành 05 Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm giai đoạn 2011 – 2015, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 803/TTr-LĐT BXH ngày 05 tháng 7 năm 2012,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 với những nội dung sau:

### **I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

#### **1. Quan điểm phát triển**

1.1. Phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang phải phù hợp, đồng bộ với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Phát triển hệ thống cơ sở dạy nghề tỉnh Bắc Giang gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện; gắn với việc làm, giải quyết tình trạng thất nghiệp, góp phần đáp ứng nhu cầu chuyên dịch cơ cấu lao động, đặc biệt là khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, giải quyết việc làm tại chỗ và nâng quỹ thời gian sử dụng lao động trong nông thôn.

1.3. Phát triển dạy nghề phải có tầm nhìn dài hạn, gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; phải có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát

triển của từng giai đoạn dựa trên nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường lao động. Đầu tư cho dạy nghề phải có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng đào tạo nghề trình độ cao.

## **2. Mục tiêu của quy hoạch**

### **2.1. Mục tiêu chung**

- Phát triển Hệ thống cơ sở dạy nghề có đủ năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu của người lao động trên địa bàn tỉnh và nhu cầu lao động qua đào tạo nghề của thị trường lao động.

- Quan tâm phát triển các cơ sở dạy nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp để tăng quy mô đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp trong tổng quy mô đào tạo hàng năm nói chung.

- Chuyển dạy nghề từ hướng cung sang hướng cầu của thị trường lao động. Tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đào tạo con người một cách toàn diện về thể lực, trí lực; giỏi kỹ năng nghề đồng thời có ý thức kỷ luật lao động, có tác phong công nghiệp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 105 cơ sở dạy nghề, gồm:

+ 02 trường cao đẳng nghề (01 trường chất lượng cao), quy mô tuyển sinh 1.000 đến 1.500 sinh viên cao đẳng/năm, tại thành phố Bắc Giang;

+ 08 trường trung cấp nghề (02 trường ngoài công lập), quy mô tuyển sinh 3.200 đến 4.000 học sinh trung cấp/năm (thành phố Bắc Giang 04 trường, huyện Hiệp Hòa 01 trường, huyện Lạng Giang 01 trường, huyện Lục Nam 01 trường, huyện Yên Thế 01 trường);

+ 28 trung tâm dạy nghề (21 trung tâm dạy nghề ngoài công lập), quy mô tuyển sinh 8.500 đến 11.000 học sinh hệ sơ cấp nghề/năm (thành phố Bắc Giang 10 trung tâm, huyện Hiệp Hòa 02 trung tâm, huyện Lạng Giang 03 trung tâm, huyện Lục Nam 02 trung tâm, huyện Tân Yên 04 trung tâm, huyện Việt Yên 04 trung tâm, huyện Yên Dũng 03 trung tâm);

+ 67 cơ sở dạy nghề khác, quy mô tuyển sinh 8.000 đến 10.000 học sinh (thành phố Bắc Giang 23 cơ sở, huyện Hiệp Hòa 04 cơ sở, huyện Lạng Giang 05 cơ sở, huyện Lục Nam 03 cơ sở, huyện Lục Ngạn 06 cơ sở, huyện Sơn Động 05 cơ sở, huyện Tân Yên 04 cơ sở, huyện Việt Yên 05 cơ sở, huyện Yên Dũng 08 cơ sở, huyện Yên Thế 04 cơ sở).

- Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 110 cơ sở dạy nghề, gồm:

+ 06 trường cao đẳng nghề (03 trường chất lượng cao), quy mô tuyển sinh đạt 2.400 đến 3.000 học sinh cao đẳng/năm (thành phố Bắc Giang 04 trường, huyện Hiệp Hòa 01 trường, huyện Lạng Giang 01 trường);

+ 13 trường trung cấp nghề (06 trường trung cấp nghề ngoài công lập), quy mô tuyển sinh 4.000 đến 6.000 học sinh trung cấp/năm (thành phố Bắc Giang 04 trường, huyện Hiệp Hoà 01 trường, huyện Lạng Giang 01 trường, huyện Lục Nam 01 trường, huyện Lục Ngạn 01 trường, huyện Tân Yên 01 trường, huyện Việt Yên 01 trường, huyện Yên Dũng 02 trường, huyện Yên Thế 01 trường);

+ 35 trung tâm dạy nghề (25 trung tâm dạy nghề ngoài công lập), quy mô tuyển sinh 12.000 đến 15.000 học sinh hệ sơ cấp nghề/năm (thành phố Bắc Giang 10 trung tâm, huyện Hiệp Hoà 02 trung tâm, huyện Lạng Giang 03 trung tâm, huyện Lục Nam 02 trung tâm, huyện Lục Ngạn 02 trung tâm, huyện Sơn Động 02 trung tâm, huyện Tân Yên 04 trung tâm, huyện Việt Yên 04 trung tâm, huyện Yên Dũng 04 trung tâm, huyện Yên Thế 02 trung tâm);

+ 56 cơ sở dạy nghề khác, quy mô tuyển sinh 7.000 đến 10.000 học sinh hệ sơ cấp nghề/năm (thành phố Bắc Giang 22 cơ sở, huyện Hiệp Hoà 04 cơ sở, huyện Lạng Giang 04 cơ sở, huyện Lục Nam 03 cơ sở, huyện Lục Ngạn 04 cơ sở, huyện Sơn Động 04 cơ sở, huyện Tân Yên 03 cơ sở, huyện Việt Yên 04 cơ sở, huyện Yên Dũng 06 cơ sở, huyện Yên Thế 03 cơ sở).

### **3. Nhiệm vụ của quy hoạch**

#### **3.1. Mạng lưới cơ sở dạy nghề**

a) Giai đoạn 2011-2015.

- Hoàn chỉnh Đề án thành lập trường cao đẳng nghề Công nghệ Việt Hàn tại thành phố Bắc Giang trình Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định thành lập.

- Nâng cấp Trung tâm dạy nghề Bắc Giang thành trường trung cấp nghề.

- Nâng cấp Trung tâm dạy nghề huyện Hiệp Hoà thành trường trung cấp nghề.

- Thành lập mới 02 trung tâm dạy nghề công lập cấp huyện: Trung tâm dạy nghề huyện Lục Ngạn, huyện Việt Yên.

- Thành lập mới 1 Trung tâm dạy nghề ngoài công lập tại thành phố Bắc Giang.

- Đăng ký hoạt động dạy nghề cho từ 10 đến 15 doanh nghiệp.

b) Giai đoạn 2016 - 2020.

- Nâng cấp Trường trung cấp nghề số 12 Bộ Quốc phòng (đã có quy hoạch của Bộ Quốc phòng), Trường trung cấp nghề Giao thông vận tải, Trường trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ 19/5, Trường trung cấp nghề huyện Hiệp Hoà thành trường cao đẳng nghề.

- Nâng cấp trung tâm dạy nghề huyện Tân Yên, trung tâm Giáo dục thường xuyên - Dạy nghề huyện Lục Ngạn thành trường trung cấp nghề.

- Thành lập mới 04 trường trung cấp nghề ngoài công lập: huyện Hiệp Hoà 01 trường, huyện Việt Yên 01 trường, huyện Yên Dũng 02 trường.

- Thành lập mới 4 trung tâm dạy nghề công lập cho các huyện còn lại chưa có trung tâm dạy nghề (huyện Lạng Giang, huyện Lục Nam, huyện Yên Dũng, huyện Sơn Động).

- Thành lập mới 04 trung tâm dạy nghề ngoài công lập: huyện Hiệp Hòa 01 trung tâm, huyện Lục Ngạn 01 trung tâm, huyện Sơn Động 01 trung tâm, huyện Yên Thế 01 trung tâm.

- Đăng ký hoạt động dạy nghề cho từ 3 đến 5 doanh nghiệp.

### **3.2. Quy mô dạy nghề**

a) Giai đoạn 2011-2015 tuyển sinh và đào tạo nghề cho 140.400 người, trong đó:

- Cao đẳng nghề: 4.900 người.

- Trung cấp nghề: 18.000 người.

- Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng: 117.500 người.

b) Giai đoạn 2016-2020 tuyển sinh và đào tạo nghề cho 155.000 người, trong đó:

- Cao đẳng nghề: 10.000 người.

- Trung cấp nghề: 25.000 người.

- Sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng: 120.000 người.

### **3.3. Cơ cấu ngành nghề và cấp trình độ**

- Thực hiện đa dạng hoá các ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động, quan tâm phát triển một số ngành nghề mà các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa tổ chức đào tạo: Khách sạn, nhà hàng, nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, nấu ăn, đúc đồng...

- Tăng quy mô đào tạo các nghề thuộc nhóm nghề thu hút được lượng lớn học viên theo học như: sản xuất và chế biến (may mặc, chế biến thực phẩm...); Chăn nuôi thỏ, gà đồi, gia súc, gia cầm, trồng cây ăn quả, cây thuốc lá, rau sạch;... nghề có nhu cầu cao như lắp ráp linh kiện điện tử, hàn công nghệ cao, CAD/CAM. Quan tâm đào tạo một số nghề thủ công phục vụ việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.

- Thực hiện đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề. Tăng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nghề trình độ cao đẳng nghề và trung cấp nghề từ 10% đến 15%/năm, đến năm 2020 đạt chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng nghề 2.500 người/năm, trung cấp nghề 6.000 người/năm.

### **3.4. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề**

- Diện tích phòng học đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn 1,3 m<sup>2</sup>/01 học sinh quy đổi; Diện tích xưởng thực hành đảm bảo về số lượng và tiêu chuẩn 2,5 m<sup>2</sup>/01 học sinh quy đổi theo tiêu chuẩn quy mô trường bình quân 500 học sinh. Ngoài ra, các phòng học và xưởng thực hành phải đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, độ thông thoáng và các điều kiện học tập.

- Đảm bảo trang thiết bị dạy nghề cơ bản cho tất cả các nghề đào tạo, ngoài ra ở một số nghề cần phải hướng tới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động về trình độ tay nghề của học sinh và khả năng thích ứng với các công nghệ hiện đại.

- Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề để đảm bảo chuẩn hoá theo quy định: Đủ diện tích đất, diện tích phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, trang thiết bị dạy nghề theo quy mô đào tạo.

### ***3.5. Phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề:***

- Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; đạt tiêu chuẩn trình độ đào tạo về lý thuyết, thực hành, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; có trình độ tin học, ngoại ngữ để áp dụng vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.

- Phân đầu đến năm 2020 có 30% số lượng giáo viên trong các cao đẳng nghề và trung cấp nghề có trình độ sau đại học, các tiêu chuẩn về ngoại ngữ và tin học phải đạt mức cơ bản ở 100% số lượng giáo viên ở các trường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy phải đảm bảo được 70% số lượng giáo viên sử dụng thành thạo các chương trình ứng dụng.

### ***3.6. Chương trình và giáo trình dạy nghề.***

- Xây dựng các chương trình đào tạo trên cơ sở các tiêu chuẩn chung của cả nước đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Việc xây dựng và đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình dạy nghề theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề phù hợp với tiến bộ của khoa học và công nghệ, ứng dụng trong sản xuất và đạt được những tiêu chuẩn của khu vực. Xây dựng chương trình dạy nghề theo phương pháp phân tích nghề, từng bước chuyển sang chương trình dạy nghề theo modun.

- Đến năm 2015, các trường Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề sẽ có các chương trình, giáo trình đào tạo nghề phù hợp với công nghệ tiên tiến và sẽ ứng dụng những tiến bộ của khoa học và kỹ thuật vào việc đào tạo cho học sinh, sinh viên học nghề.

### ***3.7. Nhu cầu vốn đầu tư***

Tổng nguồn vốn thực hiện quy hoạch là 1.373.619 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 546.740 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 258.816 triệu đồng.
- Nguồn tài trợ quốc tế: 200.000 triệu đồng.
- Nguồn khác: 368.063 triệu đồng.

## **II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU**

### **1. Nhóm giải pháp về quản lý**

#### ***1.1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và xã hội về dạy nghề***

Quán triệt sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dạy nghề đặc biệt là các chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn, người nghèo, thanh niên dân tộc thiểu số, bộ đội xuất ngũ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về

vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề đối với quá trình giải quyết việc làm cho người lao động và phát triển kinh tế xã hội, để các cấp, các ngành và doanh nghiệp chủ động tham gia đóng góp tích cực vào công tác dạy nghề.

### ***1.2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề***

Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình đào tạo của các cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Công tác kiểm tra tập trung vào các nội dung để đảm bảo chất lượng đào tạo đó là: Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề; xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, việc bố trí đội ngũ giáo viên, phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, trang thiết bị thực hành cho các nghề đào tạo...

### ***1.3. Phát triển hệ thống dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển về quy mô và cơ cấu nghề đào tạo cho các ngành kinh tế***

Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề theo 3 hướng: Hình thành các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có năng lực đào tạo nghề chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế mũi nhọn, phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của ngành, địa phương, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, địa phương.

Đa dạng hóa các hình thức, loại hình dạy nghề (chính quy, thường xuyên, dạy nghề tại doanh nghiệp, tại làng nghề...) với các chương trình, các khóa đào tạo phù hợp; coi trọng việc mở rộng hình thức dạy nghề theo hợp đồng, liên kết đào tạo, đào tạo lại hoặc đặt hàng giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp sử dụng lao động; đáp ứng nhu cầu học nghề của mọi người, đặc biệt là lao động nông thôn, hướng tới phổ cập nghề cho lao động thanh niên.

### ***1.4. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trở thành một chủ thể quan trọng trong đào tạo nghề***

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thành lập trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề; liên kết với trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề trong đào tạo và giải quyết việc làm; nhận học sinh, sinh viên của nhà trường đến doanh nghiệp thực hành, thực tập. Xây dựng các mô hình, hình thức và phương thức hợp tác, gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để nâng cao khả năng có việc làm cho người lao động sau khi được đào tạo. Phát triển mạnh các cơ sở dạy nghề tại doanh nghiệp để đào tạo nghề cho doanh nghiệp và cho xã hội; khuyến khích phát triển dạy nghề tại dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

- Huy động doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo nghề, như: xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy nghề; xây dựng danh mục nghề, tiêu chuẩn nghề; tham gia giảng dạy và đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dạy nghề. Khuyến khích doanh nghiệp đóng góp kinh phí đào tạo nghề khi tiếp nhận lao động đã qua đào tạo.

### ***1.5. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng lao động***

- Quan tâm giải quyết tốt vấn đề đầu ra cho quá trình đào tạo nghề cho người lao động tăng cường mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp từ khâu xây dựng nội dung chương trình đào tạo đến khâu tiếp nhận học sinh học nghề vào thực hành tại doanh nghiệp và nhận học sinh vào làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, các điều kiện làm việc cho các trung tâm giới thiệu việc làm, trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm, trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực, đưa các trung tâm này trở thành cầu nối giữa cơ sở đào tạo, người lao động và các doanh nghiệp sử dụng lao động.

### ***1.6. Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động***

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động làm cầu nối giữa doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề và người lao động. Tổ chức triển khai tốt việc điều tra, thu thập thông tin về nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu học nghề của học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, nhu cầu đào tạo lại, bổ túc nâng cao tay nghề của người lao động trong doanh nghiệp. Điều tra nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh phải đăng ký nhu cầu lao động theo cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo, lộ trình tuyển dụng.

- Thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm; tổ chức Hội nghị dạy nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp, chuyên dân dạy nghề từ hướng cung sang hướng cầu của thị trường lao động.

## **2. Nhóm giải pháp về đảm bảo nguồn lực đầu tư tăng cường các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo nghề**

### ***2.1. Đảm bảo nguồn lực phát triển dạy nghề***

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư cho phát triển dạy nghề, tăng tỷ lệ ngân sách chi cho đào tạo nghề trong tổng ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo từ 12-13/năm lên 18-20% vào năm 2020.

- Huy động các nguồn lực trong xã hội cho phát triển dạy nghề. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho những cơ sở dạy nghề trọng điểm, (đầu tư đồng bộ), các vùng khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa; phát triển chương trình; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách, nhóm yếu thế trong xã hội và phổ cập nghề cho người lao động; từng bước giảm sự chênh lệch về mức độ thụ hưởng dịch vụ đào tạo nghề giữa các huyện, thành phố, các xã vùng miền núi với các xã vùng đồng bằng. Tranh thủ các nguồn lực quốc tế trong đào tạo nghề, thông qua các chương trình, dự án phát triển dạy nghề; đồng thời huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người học để phát triển dạy nghề.

### ***2.2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề***

- Đảm bảo đủ số lượng và diện tích phòng học lý thuyết, xưởng thực hành theo quy định, các phòng học, xưởng thực hành phải đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, độ thông thoáng và các điều kiện học tập.



- Trang thiết bị cho công tác dạy nghề cần phải hướng tới đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động về trình độ tay nghề của học sinh và khả năng thích ứng với các công nghệ hiện đại.

### **2.3. Đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy**

- Các Trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề đầu tư hoàn chỉnh nội dung, chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại hoá, linh hoạt nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, năng lực thực hành, năng lực tự làm việc, năng lực thích ứng với những biến đổi của công nghệ và thực tế sản xuất. Tổ chức đào tạo nghề theo modul, tạo thuận lợi cho người học, đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đổi mới phương pháp dạy và học, hiện đại hoá phương tiện giảng dạy để phát huy năng lực của giáo viên, tăng cường tính chủ động và tích cực của học sinh, áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập.

- Tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo nghề, kiểm định chất lượng học sinh tốt nghiệp đào tạo nghề theo quy định.

### **2.4. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề**

Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; đạt tiêu chuẩn trình độ đào tạo về lý thuyết, thực hành, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; nghiệp vụ quản lý, có trình độ tin học, ngoại ngữ để áp dụng vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cần thực hiện chế độ định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.

## **3. Nhóm giải về xã hội hoá và hợp tác quốc tế**

### **3.1. Đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề**

- Tạo điều kiện thuận lợi để các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho dạy nghề; ưu tiên các dự án vay vốn nước ngoài để đầu tư phát triển dạy nghề, đặc biệt là các dự án hỗ trợ kỹ thuật; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị; phát triển chương trình, học liệu; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề.

- Khuyến khích và huy động sự tham gia của doanh nghiệp, làng nghề trong việc phát triển dạy nghề dưới các hình thức như tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, đầu tư cho cơ sở dạy nghề; liên kết với các cơ sở dạy nghề để học sinh được thực tập nghề trong thực tiễn sản xuất (kể cả trong việc đào tạo nâng cao tay nghề cho giáo viên); hỗ trợ mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thành lập cơ sở dạy nghề.

- Tạo sự bình đẳng giữa cơ sở dạy nghề công lập và cơ sở dạy nghề ngoài công lập trong dạy nghề; các cơ sở dạy nghề thực hiện chương trình dạy nghề chất lượng

cao được thu học phí sát với thị trường để trang trải chi phí đào tạo; nhà nước có chính sách để hỗ trợ cho những đối tượng đặc thù, đối tượng chính sách xã hội khi tham gia các chương trình đào tạo phù hợp.

### **3.2. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh tổ chức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại nước ngoài, đặc biệt là các nước có nền dạy nghề phát triển.

- Khuyến khích các cơ sở dạy nghề mở rộng hợp tác quốc tế để trao đổi và học tập kinh nghiệm của các nước thành công trong phát triển đào tạo nghề. Tăng cường hợp tác trao đổi chương trình đào tạo, giáo viên, chuyên gia đào tạo, chuyển giao công nghệ, phương pháp giảng dạy.

#### **Điều 2: Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công bố công khai quy hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp và cân đối nguồn kinh phí thực hiện theo từng nội dung của quy hoạch.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm và trong từng giai đoạn phù hợp với hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn.

- Phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Quy hoạch. Báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình triển khai thực hiện hàng năm và trong từng giai đoạn.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chịu trách nhiệm bố trí và cân đối các nguồn lực đầu tư cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để thực hiện Quy hoạch theo đúng tiến độ; giám sát việc thực hiện Quy hoạch trong phạm vi toàn tỉnh. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch.

**3. Sở Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thẩm định trình UBND tỉnh Bắc Giang quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập các cơ sở dạy nghề trên địa bàn. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch.

**4. Sở Tài chính:** Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, cân đối ngân sách của địa phương bố trí hàng năm để thực hiện Quy hoạch. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch.

**5. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, các cơ sở giáo dục thường xuyên; chỉ đạo

các cơ sở giáo dục phối hợp chặt chẽ với cơ sở dạy nghề thực hiện liên kết mở các lớp học theo mô hình văn hoá - nghề.

**6. Sở Công thương:** Phối hợp với cơ quan Thông tin, Báo, Đài cung cấp thông tin thị trường hàng hoá, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiêu thủ công nghiệp cho lao động nông thôn. Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong khảo sát xác định nhu cầu học nghề đáp ứng yêu cầu lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ thương mại.

**7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc xác định ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông nghiệp nông thôn. Tham gia xây dựng một số mô hình điểm về dạy nghề cho lao động nông thôn, xây dựng và triển khai thực hiện việc cấp thẻ học nghề. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch.

**8. Sở Xây dựng:** Chủ trì hướng dẫn các cơ sở dạy nghề, các tổ chức, cá nhân các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng trường dạy nghề. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các công trình, dự án xây dựng các trường và trung tâm dạy nghề.

**9. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố rà soát lại tình hình sử dụng đất để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đất xây dựng các cơ sở dạy nghề và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở dạy nghề. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình quy hoạch và sử dụng đất của các huyện, thành phố, các cơ sở dạy nghề.

**10. Trung tâm hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực:** Điều tra nhu cầu tuyển dụng lao động của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp về số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo; cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

**11. Các Sở, Ban, Ngành khác:** Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan tới công tác Quy hoạch hệ thống cơ sở dạy nghề.

**12. UBND các huyện, thành phố:** Chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trên địa bàn và trong phạm vi quản lý.

**Điều 3:** Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Linh**